

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Huỳnh Công Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc Q, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1982 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hải L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 5B A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Ngọc Q trình bày và yêu cầu như sau:***

Chị và anh Trần Hải L quen biết và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh Trần Hải

L có 02 người con chung tên: Trần Hải C, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003 nay đã trưởng thành và Trần Huỳnh N, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2004 hiện nay đang sống chung với chị; về tài sản chung, chị và anh Trần Hải L không có tài sản chung; về nợ chị cam kết, chị và anh Trần Hải L không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống chị và anh Trần Hải L sống không hòa hợp, thường xuyên bất đồng công việc làm ăn trong gia đình và cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Hải L nên chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hải L. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con tên Trần Huỳnh N theo nguyện vọng của Trần Huỳnh N, chị không yêu cầu anh Trần Hải L cấp dưỡng nuôi con; còn người con chung tên Trần Hải C hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, không có tranh chấp, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2022 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 14/3/2022, bị đơn anh Trần Hải L trình bày như sau:*

Anh và chị Phạm Ngọc Q chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Trần Hải C, sinh năm 2003 nay đã trưởng thành và Trần Huỳnh N, sinh năm 2004 hiện nay đang sống chung với chị Phạm Ngọc Q. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phạm Ngọc Q, khi ly hôn anh đồng ý giao người con chung của anh chị tên Trần Huỳnh N cho chị Phạm Ngọc Q tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về tài sản chung và nợ, anh xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh có công việc cá nhân, anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 11/01/2022, Trần Huỳnh N trình bày:*

Trần Huỳnh N con của anh Trần Hải L và chị Phạm Ngọc Q, địa chỉ: ấp 5B A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay Trần Huỳnh N đang chung sống với mẹ là chị Phạm Ngọc Q, địa chỉ: ấp 5B A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ của Trần Huỳnh N ly hôn thì Trần Huỳnh N có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Phạm Ngọc Q.

** Tại biên bản xác minh ngày 23/02/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Phạm Ngọc Q và anh Trần Hải L có cư trú tại ấp 5B A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay đang sinh sống tại địa phương, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh Trần Hải L và chị Phạm Ngọc Q là do anh Trần Hải L

không lo làm ăn kinh tế trong gia đình, không lo lắng và chăm sóc vợ con nên quan hệ giữa vợ chồng không hạnh phúc, từ đó chị Phạm Ngọc Q yêu cầu ly hôn với anh Trần Hải L.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân Phạm Ngọc Q và sổ hộ khẩu; Trích lục khai sinh Trần Hải L; Giấy chứng minh nhân dân Trần Hải C; 02 Giấy khai sinh Trần Hải C và Trần Huỳnh N; Giấy xác nhận ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã N; Bản trình bày ý kiến nguyện vọng ngày 11/01/2022 của Trần Huỳnh N; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 14/6/2021 của chị Phạm Ngọc Q; Biên bản xác minh ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên; Bản tự khai ngày 23/02/2022 của anh Trần Hải L và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 14/3/2022 của anh Trần Hải L; Công văn số: 05/NHNoAB-TB ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II; Văn bản trình bày ý kiến ngày 25 tháng 4 năm 2022 của bà Huỳnh Thị A.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hải L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con tên Trần Huỳnh N, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2004 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Huỳnh N, chị không yêu cầu anh Trần Hải L cấp dưỡng nuôi con; còn người con chung tên Trần Hải C, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003 hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, hiện nay chị và anh Trần Hải L còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II số tiền vay là 70.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị A số tiền mượn 05 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, nhưng không có tranh chấp nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hải L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hải L và nuôi con, nhưng anh chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xử xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Huỳnh N theo nguyện vọng của Trần Huỳnh N, anh Trần Hải L cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Ngọc Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Phạm Ngọc Q, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II và bà Huỳnh Thị A xác định không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Hải L và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: ấp 5B A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Ngọc Q trình bày, chị và anh Trần Hải L có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II và bà Huỳnh Thị A. Khi đó Tòa án thông báo cho Ngân hàng và bà Huỳnh Thị A biết có khởi kiện hoặc không khởi kiện trong cùng vụ án, thì Ngân hàng và bà Huỳnh Thị A có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến không khởi kiện trong cùng vụ án nên Tòa án không đưa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II và bà Huỳnh Thị A vào tham gia tố tụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Hải L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Phạm Ngọc Q

khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh thì anh Trần Hải L có văn bản trình bày ý kiến, gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời, tại phiên toà chị Phạm Ngọc Q không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Hải L theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Ngọc Q và anh Trần Hải L chung sống với nhau vào năm 2002, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hải L thì anh Trần Hải L cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị Phạm Ngọc Q nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên không thể ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị được. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc Q và anh Trần Hải L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Phạm Ngọc Q và anh Trần Hải L chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Trần Hải C, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003 nay đã trưởng thành và Trần Huỳnh N, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2004 hiện nay đang sống chung với chị Phạm Ngọc Q. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Ngọc Q yêu cầu được nuôi dưỡng người con tên Trần Huỳnh N đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Huỳnh N, còn người con chung tên Trần Hải C hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, anh Trần Hải L cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con anh chị nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ghi nhận sự tự nguyện của anh chị và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên Trần Huỳnh N cho chị Phạm Ngọc Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với người con chung của anh chị tên Trần Hải C, nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Ngọc Q không yêu cầu anh Trần Hải L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Ngọc Q, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II và bà Huỳnh Thị A tự xác định không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc Q và anh Trần Hải L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Ngọc Q, anh Trần Hải L và nguyện vọng của con anh chị. Giao người con chung của anh chị tên Trần Huỳnh N, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2004 cho chị Phạm Ngọc Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, Trần Huỳnh N đang chung sống với chị Phạm Ngọc Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Ngọc Q không yêu cầu anh Trần Hải L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Ngọc Q, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện AB, KG II và bà Huỳnh Thị A tự xác định không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004678 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Ngọc Q đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/5/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Điện).

Trần Văn Thảo